

Số: 15 /2018/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 186 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 130/TTr-STP ngày 24/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2018 và thay thế Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTQVN tỉnh, các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo Lạng Sơn, Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CV;
- Lưu: VT, NC (HTMD) 58

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Thương

QUY ĐỊNH

Về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành.

Những nội dung không được quy định trong văn bản này thực hiện theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là Sở, Ban, ngành) và các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, hệ thống hóa gồm:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Rà soát và xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật.
2. Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực.
3. Tổng rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.
4. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II

ĐẦU MỐI CHỦ TRÌ, CƠ CHẾ PHÂN CÔNG PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 4. Đầu mối thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

b) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực của ngành Tư pháp hoặc rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh có liên quan giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, đơn vị mình.

Điều 5. Rà soát và xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng Sở, Ban, ngành:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình ngay khi có căn cứ rà soát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Gửi kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật lấy ý kiến Sở Tư pháp. Giải trình, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định việc xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi lấy ý kiến của Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành phối hợp, thống nhất kết quả rà soát với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh để hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

c) Gửi báo cáo kết quả rà soát cho Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Các cơ quan khác có liên quan phối hợp thực hiện việc rà soát và gửi kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật mà Sở, Ban, ngành xin ý kiến.

Điều 6. Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực

1. Sở Tư pháp chủ trì theo định kỳ hàng năm, tổng hợp kết quả lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của các Sở, Ban, ngành. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực.

2. Sở, Ban, ngành:

a) Thực hiện rà soát, tổng hợp, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực quy định tại khoản 1 Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan mình. Danh mục gồm các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có thời điểm hết hiệu lực, thời điểm bắt đầu ngưng hiệu lực trong một năm (tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) và được lập theo Mẫu số 03, 04 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Trước ngày 05/01 hàng năm, các Sở, Ban, ngành gửi danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng Công báo tỉnh và Cổng thông tin điện tử của tỉnh Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực.

Điều 7. Tổng rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

1. Tổng rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp về tổng rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn:

a) Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân) và các cơ quan liên quan lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

b) Các cơ quan có liên quan thực hiện việc rà soát và tổng hợp kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật gửi Sở, Ban, ngành theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn có liên quan đến thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan đó.

Điều 8. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, định kỳ 05 năm một lần, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

b) Kiểm tra và tổng hợp kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Sở, Ban, ngành. Trường hợp văn bản có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Sở Tư pháp chủ trì tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để hoàn thiện kết quả hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính công bố kết quả hệ thống hóa sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc trình công bố kết quả hệ thống hoá đối với danh mục các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

d) Phát hành Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức văn bản giấy (trong trường hợp cần thiết).

2. Các Sở, Ban, ngành phối hợp thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; gửi kết quả hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; đăng Công báo tỉnh danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương III

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 9. Đội ngũ thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

1. Các Sở, Ban, ngành có trách nhiệm bố trí công chức để thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2. Giao cho Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành xây dựng, quản lý và sử dụng đội ngũ công tác viên rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 10. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

2. Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí của các cơ quan thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

2. Các Sở, Ban, ngành có liên quan gửi báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành mình về Sở Tư pháp để kịp thời tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Thời hạn gửi báo cáo, thời điểm lấy số liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê công tác tư pháp.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Các Sở, Ban, ngành tỉnh có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy định này tại cơ quan mình.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Thương

Phạm Ngọc Thương